

PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ NGÂN HÀNG VÀ BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 2015

GS.TS NGUYỄN NGỌC HÒA

Email: hoa_lhs@yahoo.com.vn

Tóm tắt

Trên cơ sở khái quát nội dung cơ bản của pháp luật hình sự về ngân hàng, bài viết đánh giá các quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015 trong việc đáp ứng yêu cầu tội phạm hóa các hành vi vi phạm nghiêm trọng pháp luật ngân hàng và đề xuất hướng hoàn thiện các quy định này để góp phần nâng cao hiệu quả chống và phòng ngừa các tội phạm ngân hàng trong thời gian tới.

Từ khóa: pháp luật hình sự về ngân hàng, tội phạm ngân hàng, tội vi phạm quy định về cấp tín dụng, tội vi phạm quy định về bảo mật thông tin khách hàng, tội vi phạm quy định về phòng - chống rửa tiền, tội vi phạm quy định về sử dụng tài khoản thanh toán

Abstract

Based on an overview of the core provisions of criminal law concerning banking, the paper offers an analysis of provisions of the 2015 Criminal Code of Vietnam in response to the need to criminalise acts that seriously violate banking law, and proposes directions for improving those provisions to enhance effectiveness of combating and preventing banking crimes in future.

Keywords: criminal law on banking, banking crimes, crimes violating legal provisions on credit granting, crimes violating legal provisions on customers' information security, crimes violating legal provisions on prevention and combat of money laundry, crimes violating legal provisions on payment bank account

DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.532>

Ngày nhận bài: 18/5/2025

Ngày duyệt đăng: 15/12/2025

Pháp luật hình sự về ngân hàng là một lĩnh vực chuyên biệt của pháp luật hình sự, gồm các quy phạm pháp luật xác định các hành vi vi phạm pháp luật ngân hàng bị coi là tội phạm và quy định các biện pháp hình sự tương ứng được áp dụng cho các tội phạm này. Các tội được pháp luật hình sự về ngân hàng quy định có thể được gọi là các tội phạm ngân hàng - bộ phận hợp thành của các tội phạm nói chung được pháp luật hình sự quy định. Trên cơ sở khái quát nội dung cơ bản của pháp luật hình sự về ngân hàng, bài viết phân tích các dấu hiệu định tội của các tội phạm ngân hàng được quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015 và qua đó đánh giá mức độ đáp ứng của Bộ luật này đối với yêu cầu của pháp luật ngân hàng trong việc tội phạm hóa các hành vi vi phạm nghiêm trọng pháp luật ngân hàng và đề xuất hướng hoàn thiện các quy định về các tội phạm ngân hàng, góp phần nâng cao hiệu quả chống để phòng ngừa các tội phạm ngân hàng trong thời gian tới.

1. Pháp luật hình sự về ngân hàng và các tội phạm xảy ra trong lĩnh vực ngân hàng

Pháp luật hình sự là một ngành luật trong hệ thống pháp luật, gồm các quy phạm pháp luật xác định những hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm và quy định các biện pháp hình sự đối với tội phạm đã được xác định. Qua đó, pháp luật hình sự thực hiện chức năng của mình là “chống để phòng ngừa tội phạm” và “bảo vệ các lĩnh vực khác nhau của xã hội”. Theo lĩnh vực của đối tượng được pháp luật hình sự bảo vệ, pháp luật hình sự có các lĩnh vực chuyên biệt khác nhau như pháp luật hình sự về môi trường, pháp luật hình sự về kinh tế, pháp luật hình sự về an ninh mạng...

Pháp luật hình sự về ngân hàng là lĩnh vực chuyên biệt của pháp luật hình sự về kinh tế nói riêng cũng như của pháp luật hình sự nói chung. Pháp luật hình sự về ngân hàng có chức năng chống để phòng ngừa các tội phạm thuộc lĩnh vực ngân hàng (sau đây gọi là tội phạm ngân hàng) là hành vi vi phạm nghiêm trọng pháp luật ngân hàng và qua đó, thực hiện chức năng bảo vệ quan hệ quản lý nhà nước về ngân hàng cũng như quan hệ tổ chức và kinh doanh ngân hàng, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Như vậy, nói đến pháp luật hình sự về ngân hàng là nói đến các tội phạm về ngân hàng, nói đến chủ thể và nạn nhân của các tội này; các tội phạm ngân hàng xâm phạm an ninh tiền tệ nói chung cũng như an toàn hoạt động ngân hàng nói riêng. Chủ thể của các tội phạm ngân hàng có thể là người quản lý, điều hành hay nhân viên của ngân hàng hay người ngoài ngân hàng đã có hành vi vi phạm nghiêm trọng pháp luật ngân hàng, có thể là pháp luật quản lý nhà nước về ngân hàng hoặc pháp luật tổ chức và kinh doanh ngân hàng. Nạn nhân của các tội này có thể là ngân hàng hoặc chủ thể khác có liên quan đến hoạt động ngân hàng. Ở đây, cần có sự phân biệt giữa các tội phạm ngân hàng với các tội phạm xảy ra trong lĩnh vực ngân hàng. Các tội phạm ngân hàng là một nhóm tội đặc thù, gắn liền và chỉ xảy ra trong quan hệ quản lý nhà nước về ngân hàng hoặc quan hệ tổ chức và kinh doanh ngân hàng. Trong khi đó, các tội phạm xảy ra trong lĩnh vực ngân hàng không phải là nhóm tội đặc thù mà là các tội chung có thể xảy ra ở nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó có lĩnh vực ngân hàng như tội nhận hối lộ, tội tham ô tài sản hay tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và các tội này trên thực tế đã xảy ra trong lĩnh vực ngân hàng. Trong các tội phạm ngân hàng có thể có tội có “nguồn gốc” từ tội chung. Hành vi phạm tội của một số tội chung có thể được cụ thể hóa vào lĩnh vực ngân hàng và được quy định thành tội riêng cho lĩnh vực này bên cạnh tội chung cho các lĩnh vực khác. Việc quy định tội riêng như vậy là để có chính sách hình sự phù hợp, bảo đảm tính đồng bộ trong răn đe để phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật ngân hàng. Ví dụ: Trong Bộ luật Hình sự (BLHS) của Cộng hòa Liên bang Đức (CHLB Đức), Tội lừa đảo tín dụng (Điều 265b) là một tội ngân hàng có “nguồn gốc” từ Tội lừa đảo (Điều 263) là tội chung có thể xảy ra trong các lĩnh vực khác nhau.¹ Trước khi có Điều 265b BLHS CHLB Đức, hành vi gian dối để được cấp tín dụng của cá nhân hoặc doanh nghiệp chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội lừa đảo theo Điều 263, khi đã gây thiệt hại về tài sản. Từ khi Điều 265b được bổ sung, hành vi gian dối để được cấp tín dụng của doanh nghiệp sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội lừa đảo tín dụng được quy định tại điều này và không đòi hỏi phải gây thiệt hại về tài sản.² Như vậy, có sự khác nhau về chính sách hình sự đối với hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản với hành vi gian dối để được cấp tín dụng của doanh nghiệp cũng như giữa hành vi gian dối để được cấp tín dụng của doanh nghiệp với hành vi gian dối để được cấp tín dụng của cá nhân.

Khi xác định lĩnh vực chuyên biệt của pháp luật hình sự cũng như các tội thuộc lĩnh vực chuyên biệt cần chú ý: ranh giới giữa các lĩnh vực chuyên biệt của pháp luật hình sự chỉ có tính tương đối vì giữa các lĩnh vực kinh tế - xã hội có sự giao thoa; một tội có thể xâm hại nhiều đối tượng được bảo vệ khác nhau và việc xác định sự xâm hại chính hay xâm hại kèm theo trong trường hợp này không phải luôn luôn dễ dàng. Do vậy, việc xác định các tội thuộc lĩnh vực chuyên biệt của pháp luật hình sự, trong đó có pháp luật hình sự về ngân hàng chỉ có tính tương đối, có phần phụ thuộc vào quan điểm cá nhân.

1 Trường Đại học Luật Hà Nội, *Bộ luật hình sự Cộng hòa Liên bang Đức* (bản song ngữ Việt - Đức), Nxb. Công an nhân dân, 2011.

2 Về nội dung cơ bản của Điều 263 và 265b BLHS CHLB Đức, xem: Böttner, “Kreditbetrug § 265b StGB”, *Anwalt-betrug*, <https://www.anwalt-betrug.de/kreditbetrug-265b-stgb/>, truy cập ngày 2/5/2024.

Từ phân tích trên có thể rút ra định nghĩa khái niệm pháp luật hình sự về ngân hàng như sau: *Pháp luật hình sự về ngân hàng là một lĩnh vực của pháp luật hình sự, gồm các quy phạm pháp luật quy định các vi phạm pháp luật ngân hàng bị coi là tội phạm và các chế tài đối với các tội phạm này.*

Các quy phạm pháp luật hình sự về ngân hàng có thể được xây dựng tập trung trong một bố cục (chương hoặc mục) hoặc ở các bố cục khác nhau của BLHS (ở các quốc gia có BLHS) nhưng cũng có thể được xây dựng trong luật hình sự riêng lẻ hoặc trong luật hình sự phụ. Luật hình sự riêng lẻ được hiểu là (đạo) luật có quy phạm pháp luật hình sự (quy định một tội hoặc nhóm tội nhất định...); và luật hình sự phụ là các quy phạm pháp luật hình sự được xây dựng trong các luật chuyên ngành như luật về ngân hàng, luật về môi trường. Trong các luật này, quy phạm pháp luật hình sự (quy định về tội phạm) được xây dựng kèm theo các quy định điều chỉnh. Ví dụ: Trong luật về ngân hàng, quy định về tội phạm ngân hàng được xây dựng bên cạnh các quy định điều chỉnh quan hệ quản lý nhà nước về ngân hàng cũng như quan hệ tổ chức và kinh doanh ngân hàng.³

Trên nguyên tắc chung như vậy, ở Liên bang Nga, các quy phạm pháp luật hình sự về ngân hàng được xây dựng trong Chương 22 với tiêu đề “Tội phạm trong lĩnh vực hoạt động kinh tế”;⁴ ở Cộng hòa Liên bang Đức, các quy phạm này không chỉ có trong BLHS như Chương thứ tám “Làm giả tiền và tem có mệnh giá”, Chương thứ hai hai “Lừa đảo và bội tín”⁵ mà còn có trong các luật hình sự phụ như Luật Ngân hàng Liên bang Đức⁶ hoặc Luật Tín dụng.⁷

Từ khái niệm pháp luật hình sự về ngân hàng có thể rút ra định nghĩa về các tội phạm ngân hàng: *Các tội phạm ngân hàng là các hành vi vi phạm pháp luật ngân hàng bị pháp luật hình sự quy định là tội phạm trong Bộ luật Hình sự, luật hình sự riêng lẻ hoặc luật hình sự phụ.*

Hiện nay, nhóm tội này có hai tên gọi khác nhau. Trong BLHS, nhóm tội này được gọi là Các tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng và tên gọi này được nhiều tác giả sử dụng. Bên cạnh đó, có tác giả tuy sử dụng tên gọi theo BLHS nhưng đồng thời cũng sử dụng cả tên gọi (Các) tội phạm ngân hàng.⁸ Ngoài ra, cũng có thể gọi nhóm tội này là các tội phạm về ngân hàng.⁹

Như vậy, các tội phạm ngân hàng có thể được quy định trong các nguồn khác nhau, thông thường là trong BLHS và luật hình sự phụ. Trong BLHS, các tội này có thể không được quy định tập trung trong một mục hay một chương do các tội phạm ngân hàng là kết quả phân loại tội phạm theo tiêu chí của người nghiên cứu và tiêu chí này có thể khác với tiêu chí chia các chương, mục trong BLHS của cơ quan xây dựng luật.

Các tội phạm ngân hàng có thể được phân nhóm theo các tiêu chí khác nhau. Theo tiêu chí chủ thể thực hiện hành vi phạm tội và nạn nhân của tội phạm, có thể có các nhóm tội phạm ngân hàng sau:

- *Thứ nhất*, nhóm tội do người của ngân hàng vi phạm nghĩa vụ nghề nghiệp, xâm hại lợi ích của ngân hàng, khách hàng hoặc người khác;

3 Nguyễn Ngọc Hòa, “Nguồn của pháp luật hình sự và vấn đề mở rộng nguồn của pháp luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 4, 2022.

4 Trường Đại học Luật Hà Nội, *ltd* (1).

5 *Như trên*.

6 Chương thứ tám của luật này có tiêu đề: “Các quy định về hình phạt và ngân nghĩa tiền giả”.

Trong đó, Điều 35. Phát hành và sử dụng trái phép tiền tệ quy định:

(1) Sẽ bị phạt tù lên đến năm năm hoặc phạt tiền nếu, 1. Người nào không được phép mà phát hành các loại tiền (tem, tiền xu, tiền giấy hoặc các chứng chỉ khác có thể được sử dụng hợp pháp trong các giao dịch thanh toán để thay cho tiền xu hoặc giấy bạc ngân hàng) hoặc trái phiếu không ghi tên, không lãi, ngay cả khi mệnh giá của chúng không phải là Euro.

7 Chương thứ bảy: “Các quy định về hình phạt và phạt tiền”, Bộ luật hình sự Cộng hòa Liên bang Đức.

8 Ví dụ: Tác giả Hà Lệ Thủy đã sử dụng tên gọi các tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng khi đặt tên bài báo của mình nhưng trong nội dung bài báo này, ở một số chỗ, cụm từ “tội phạm ngân hàng” lại được sử dụng. Xem: Hà Lệ Thủy, “Hoàn thiện pháp luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 14/2021.

9 Cách gọi này tương tự như cách gọi “các tội phạm về môi trường” được sử dụng trong BLHS.

- *Thứ hai*, nhóm tội do khách hàng vi phạm nghĩa vụ khách hàng, xâm hại lợi ích của ngân hàng; và

- *Thứ ba*, nhóm tội do người bất kỳ thực hiện, xâm hại lợi ích của ngân hàng, khách hàng hoặc người khác.

Ở nhóm tội thứ nhất, nghĩa vụ nghề nghiệp bị vi phạm có thể là nghĩa vụ phải tuân thủ các quy định về cấp tín dụng, về bảo mật thông tin khách hàng, về phòng ngừa rửa tiền... Theo đó, có tội vi phạm quy định về cấp tín dụng; tội vi phạm quy định về bảo mật thông tin khách hàng; tội vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền...

Ở nhóm tội thứ hai, nghĩa vụ khách hàng bị vi phạm có thể là nghĩa vụ tuân thủ các quy định về cung cấp thông tin khi xin cấp tín dụng, về việc sử dụng và hoàn trả vốn vay, hoặc về việc sử dụng tài khoản thanh toán... Theo đó, có tội lừa dối xin cấp tín dụng; tội lừa đảo tín dụng; tội bán, cho thuê tài khoản thanh toán...

Ở nhóm tội thứ ba, hành vi phạm tội có thể liên quan đến tiền giả, ngoại hối (trong đó có ngoại tệ), vàng hoặc liên quan đến chiếm đoạt tài sản từ tài khoản ngân hàng của người khác...

2. Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015 và quy định về các tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng

BLHS Việt Nam năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định các tội phạm thuộc lĩnh vực kinh tế tại Chương XVIII. Trong đó, tội phạm thuộc lĩnh vực ngân hàng được quy định tại mục 2. Mục này có 03 điều về tội phạm ngân hàng là Điều 206 (Tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng); Điều 207 (Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả); và Điều 208 (Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác). Hành vi phạm tội của 03 tội này vi phạm trực tiếp pháp luật ngân hàng.¹⁰

Bên cạnh đó, BLHS năm 2015 còn có 02 điều khác quy định các tội phạm mà nội dung cũng có thể được coi là thuộc tội phạm ngân hàng. Đó là Điều 290 (Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản); và Điều 291 (Tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng). Các tội được quy định tại hai điều này tuy không được xếp trong mục các tội phạm thuộc lĩnh vực ngân hàng của Chương Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế nhưng có thể được coi là các tội phạm ngân hàng vì có cơ sở. Cụ thể:

- Với tiêu đề “thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”, Điều 291 thể hiện rõ hành vi phạm tội được quy định trong điều này xâm phạm một trong các hoạt động ngân hàng là hoạt động “cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản”¹¹ vì làm mất an toàn “bảo mật thông tin” của khách hàng – một trong các nguyên tắc hàng đầu trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng.¹²

- Hành vi phạm tội được quy định tại Điều 290 được xếp vào mục các tội xâm phạm an toàn mạng trong Chương Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng do phương thức thực hiện hành vi phạm tội liên quan đến không gian mạng, công nghệ thông tin, thiết bị điện tử nhưng về bản chất, hầu hết các dạng hành vi phạm tội được quy định tại điều này đều liên quan đến các đối tượng thuộc hoạt động ngân hàng là tài khoản ngân hàng và thẻ ngân hàng.

Như vậy, có thể xác định trong BLHS có 05 tội là các tội phạm ngân hàng. Bên cạnh đó, một số tội có thể xảy ra trong lĩnh vực ngân hàng có thể là: tội tham ô tài sản (Điều

¹⁰ Ở thời điểm hiện nay, thuộc về pháp luật ngân hàng có Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2022; Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;...

¹¹ Điểm c khoản 1 Điều 6 Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

¹² Điều 13 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

353); tội nhận hối lộ (Điều 354); tội đưa hối lộ (Điều 364); tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174); tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 175); tội trộm cắp tài sản (Điều 173). Câu hỏi được đặt ra ở đây: 05 điều quy định về các tội phạm ngân hàng được đề cập trên đã đáp ứng như thế nào yêu cầu tội phạm hóa của pháp luật ngân hàng?

Hiện nay, do Việt Nam xác định BLHS là nguồn duy nhất được quy định tội phạm nên pháp luật chuyên ngành, trong đó có pháp luật chuyên ngành ngân hàng không được phép tự quy định hành vi vi phạm nghiêm trọng pháp luật chuyên ngành là tội phạm mà chỉ có thể yêu cầu tội phạm hóa các hành vi này để góp phần bảo đảm pháp luật chuyên ngành được tuân thủ trên thực tế.¹³ Dưới đây là đánh giá mức độ đáp ứng của BLHS năm 2015 đối với yêu cầu tội phạm hóa của pháp luật ngân hàng trên cơ sở phân tích khái quát dấu hiệu định tội và ý nghĩa của các tội phạm ngân hàng đã được quy định.

2.1. Tội được quy định tại Điều 206 Bộ luật Hình sự năm 2015

Điều 206 có tiêu đề: Tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng.

Điều này quy định 10 loại hành vi vi phạm và xác định các hành vi vi phạm này bị coi là tội phạm trong trường hợp gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên. Để hiểu và đánh giá 10 loại hành vi phạm tội được quy định này cần làm rõ 3 dấu hiệu định tội là dấu hiệu hành vi vi phạm, dấu hiệu hậu quả thiệt hại về tài sản cho người khác và dấu hiệu lỗi của chủ thể của tội phạm.

a) Về dấu hiệu hành vi vi phạm

10 loại hành vi vi phạm được quy định tại Điều 206 BLHS năm 2015 có thể được khái quát thành 03 nhóm hành vi vi phạm sau:¹⁴

Thứ nhất, nhóm hành vi vi phạm quy định về cấp tín dụng, gồm:

- Cấp tín dụng cho các trường hợp mà theo quy định không được cấp tín dụng, trừ trường hợp cấp dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng (điểm a khoản 1 Điều 206 BLHS):

“Cấp tín dụng là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bảo lãnh ngân hàng, thư tín dụng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác.”¹⁵ Về nguyên tắc, ai cũng có thể được cấp tín dụng khi thỏa mãn các điều kiện cấp tín dụng. Tuy nhiên, để bảo đảm tính khách quan của việc cấp tín dụng và qua đó bảo đảm an toàn cho hoạt động ngân hàng, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định “các trường hợp không được cấp tín dụng” vì chủ thể xin cấp tín dụng hoặc mục đích sử dụng tín dụng xin cấp có quan hệ đặc biệt với chủ thể cấp tín dụng¹⁶ (tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài).

- Cấp tín dụng không có bảo đảm hoặc cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho đối tượng mà theo quy định không được cấp các tín dụng loại này (điểm b khoản 1 Điều 206 BLHS năm 2015):

Các đối tượng này có thể được gọi là “các đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng”. Việc hạn chế cấp tín dụng được đặt ra ở đây là do các đối tượng này có quan hệ đặc

13 Nguyễn Ngọc Hòa, “Nguồn của pháp luật hình sự và vấn đề mở rộng nguồn của pháp luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 4/2022.

14 Khác với các loại này, có tác giả phân loại các hành vi phạm tội được quy định tại Điều 206 thành 2 nhóm theo đúng tiêu đề của điều này. Xem: Nguyễn Quyết Thắng, Trương Ngọc Quỳnh, “Một số vấn đề cần trao đổi về cấu thành tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng” trong Bộ luật hình sự năm 2015”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 8/2018.

15 Khoản 4 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

16 Các trường hợp này (trường hợp không được cấp tín dụng) được liệt kê cụ thể tại Điều 134 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. Ví dụ: không được cấp tín dụng cho thành viên Hội đồng quản trị, ...; cho vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, ...; cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán là công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng đó; hoặc không được cấp tín dụng để góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng, ...

biệt với tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài và quan hệ này có thể không bảo đảm tính khách quan của việc cấp tín dụng và qua đó không bảo đảm an toàn cho hoạt động ngân hàng;¹⁷

- Cấp tín dụng cho các đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng trong trường hợp làm tổng mức dư nợ cấp tín dụng vượt mức tối đa cho phép¹⁸ (điểm đ khoản 1 Điều 206 BLHS năm 2015);

- Cấp tín dụng vượt giới hạn so với vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan,¹⁹ trừ trường hợp có chấp thuận của người có thẩm quyền²⁰ (điểm e khoản 1 Điều 206);

- Cấp tín dụng cho trường hợp không thỏa mãn đầy đủ các điều kiện cấp tín dụng²¹ (điểm g khoản 1 Điều 206);

- Cố ý nâng khống giá trị tài sản bảo đảm khi thẩm định giá để cấp tín dụng đối với trường hợp phải có tài sản bảo đảm (điểm d khoản 1 Điều 206).

Thứ hai, nhóm hành vi vi phạm quy định khác về hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, gồm:

- Tiến hành hoạt động ngân hàng khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép (điểm k khoản 1 Điều 206):

Theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được tiến hành hoạt động ngân hàng khi đã được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép²² và đã tiến hành khai trương hoạt động.²³ Như vậy, các trường hợp tiến hành hoạt động ngân hàng mà không thỏa mãn một trong hai hoặc cả hai điều kiện này đều bị coi là hành vi vi phạm theo điểm k khoản 1 Điều 206 BLHS.

- Vi phạm quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Luật (điểm c khoản 1 Điều 206):

Để bảo đảm an toàn cho hoạt động ngân hàng, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 xác định các tỷ lệ bảo đảm an toàn mà các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải luôn duy trì.²⁴ Hành vi vi phạm ở đây là hành vi không tuân thủ quy định về một trong các tỷ lệ bảo đảm an toàn này;

- Vi phạm quy định của pháp luật về góp vốn, giới hạn góp vốn, mua cổ phần²⁵ (điểm g khoản 1 Điều 206); và

17 Các đối tượng này (đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng) được liệt kê cụ thể tại Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 như tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đang kiểm toán tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng; hoặc cổ đông lớn, cổ đông sáng lập của tổ chức tín dụng cấp tín dụng;...

18 Khoản 2 và khoản 4 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 xác định mức tối đa của tổng mức dư nợ cấp tín dụng là 05%/10% hoặc 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

19 Điều 136 quy định các tỷ lệ % tối đa giữa tổng mức dư nợ cấp tín dụng của một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó và vốn tự có của tổ chức tín dụng hoặc của chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho các thời điểm và cho các loại tổ chức tín dụng.

20 Khoản 7 và khoản 8 Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

21 Khoản 1 Điều 102 Luật Các tổ chức tín dụng xác định các điều kiện này là: khách hàng có khả năng tài chính, có phương án sử dụng vốn khả thi, và có mục đích sử dụng vốn hợp pháp. Ngoài ra, có thể truy cập Điều 7 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng: “Tổ chức tín dụng xem xét, quyết định cho vay khi khách hàng có đủ các điều kiện sau đây: 1. Khách hàng là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật. Khách hàng là cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật hoặc từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật. 2. Nhu cầu vay vốn để sử dụng vào mục đích hợp pháp. 3. Có phương án sử dụng vốn khả thi. 4. Có khả năng tài chính để trả nợ”.

22 Điều 8, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: “Tổ chức có đủ điều kiện theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thì được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này”.

23 Điều 34, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: “1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài được cấp Giấy phép chỉ được tiến hành hoạt động kể từ ngày khai trương hoạt động”. Khoản 2 của điều này quy định các điều kiện cho phép được khai trương hoạt động.

24 Điều 138, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

25 Đó là các quy định tại các Điều 111, 118, 123 và 137 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

- Phát hành, cung ứng, sử dụng phương tiện thanh toán không hợp pháp - phương tiện thanh toán không thuộc phương tiện thanh toán được Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định (điểm h khoản 1 Điều 206).

Thứ ba, nhóm hành vi vi phạm quy định liên quan đến hoạt động ngân hàng, gồm:

- Làm giả chứng từ thanh toán, phương tiện thanh toán; sử dụng chứng từ thanh toán, phương tiện thanh toán giả; và

- Kinh doanh vàng trái phép hoặc kinh doanh ngoại hối trái phép.²⁶

b) Về dấu hiệu hậu quả thiệt hại về tài sản cho người khác

Theo quy định, các hành vi vi phạm được phân tích trên chỉ cấu thành tội phạm khi đã “gây thiệt hại cho người khác về tài sản từ 100.000.000 đồng (trở lên)”. Theo đó, dấu hiệu hậu quả ở đây là thiệt hại về tài sản gây ra cho chủ thể cụ thể có mức tối thiểu là 100.000.000 đồng. Dấu hiệu này có thể được hiểu ở từng nhóm hành vi vi phạm như sau:

Thứ nhất, về hậu quả thiệt hại về tài sản cho người khác ở nhóm hành vi vi phạm quy định về cấp tín dụng, các quy định về cấp tín dụng được đặt ra là để bảo đảm sự “hoàn trả” của bên được cấp tín dụng - khách hàng cho bên cấp tín dụng - tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, thiệt hại về tài sản ở đây là thiệt hại về tài sản gây ra cho tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài do không thu hồi được khoản tiền gồm gốc và lãi mà khách hàng đã được cấp tín dụng phải hoàn trả.

Thứ hai, về hậu quả thiệt hại về tài sản cho người khác ở nhóm hành vi vi phạm quy định khác về hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

- Đối với hành vi “tiến hành hoạt động ngân hàng khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép”, hậu quả thiệt hại về tài sản cho người khác có thể là thiệt hại gây ra cho khách hàng đã tham gia vào hoạt động ngân hàng khi không thể nhận lại tài sản của mình.

- Đối với hành vi “vi phạm quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”, hậu quả thiệt hại về tài sản cho người khác có thể là thiệt hại gây ra cho khách hàng đã tham gia vào hoạt động ngân hàng khi không thể nhận lại tài sản của mình do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mất khả năng thanh toán.

- Đối với hành vi “vi phạm quy định của pháp luật về góp vốn, giới hạn góp vốn, mua cổ phần”, hậu quả thiệt hại về tài sản cho người khác có thể là thiệt hại gây ra cho khách hàng đã tham gia vào hoạt động ngân hàng khi không thể nhận lại tài sản của mình do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mất khả năng thanh toán.

- Đối với hành vi “phát hành, cung ứng, sử dụng phương tiện thanh toán không hợp pháp”, hậu quả thiệt hại về tài sản cho người khác là thiệt hại gây ra cho khách hàng do phương tiện thanh toán nhận được không có giá trị thanh toán.

Thứ ba, hậu quả thiệt hại về tài sản cho người khác ở nhóm hành vi vi phạm quy định liên quan đến hoạt động ngân hàng:

- Đối với hành vi “làm giả chứng từ thanh toán, phương tiện thanh toán; sử dụng chứng từ thanh toán, phương tiện thanh toán giả”, hậu quả thiệt hại về tài sản cho người khác là thiệt hại gây ra cho người đã nhận chứng từ hoặc phương tiện thanh toán giả nên không có giá trị thanh toán.

- Đối với hành vi “kinh doanh vàng trái phép hoặc kinh doanh ngoại hối trái phép”, việc đặt ra hậu quả thiệt hại về tài sản cho người khác có thể không phù hợp. Hậu quả mà những hành vi này có thể gây ra là ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường vàng

²⁶ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/04/2012 về quản lý hoạt động kinh doanh vàng và Pháp lệnh Ngoại hối năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2013.

hoặc thị trường ngoại hối. Hậu quả này cũng như tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi kinh doanh vàng, ngoại hối trái phép phụ thuộc trước hết vào quy mô kinh doanh được phản ánh qua tổng giá trị của vàng hay ngoại hối được kinh doanh trái phép. Do vậy, để xác định kinh doanh vàng trái phép hoặc kinh doanh ngoại hối trái phép là tội phạm hay chỉ là vi phạm cần phải dựa vào quy mô kinh doanh mà không phải là hậu quả thiệt hại về tài sản cho người khác.²⁷

c) Về dấu hiệu lỗi của chủ thể

Theo nguyên tắc có lỗi, để cấu thành tội theo Điều 206 BLHS năm 2015, chủ thể thực hiện các hành vi vi phạm được phân tích trên phải có lỗi đối với hành vi đó và có lỗi đối với hậu quả thiệt hại về tài sản mà hành vi đó đã gây ra cho người khác. Về dấu hiệu này, có 2 điểm cần chú ý:

- Đối với hành vi “nâng khống giá trị tài sản bảo đảm”, lỗi của chủ thể phải là cố ý. Chủ thể phải biết giá trị tài sản bảo đảm được mình xác định là cao hơn giá trị thực tế của tài sản bảo đảm. Trường hợp không biết như vậy là trường hợp không có lỗi cố ý và do vậy không phải là trường hợp phạm tội.

- Đối với các hành vi phạm tội khác, chủ thể thực hiện hành vi vi phạm phải có lỗi đối với hậu quả thiệt hại về tài sản cho người khác. Chủ thể biết hoặc buộc phải biết khả năng xảy ra hậu quả thiệt hại này. Trường hợp do khách quan mà không biết, không thể lường trước khả năng này là trường hợp không có lỗi và do vậy không phải là trường hợp phạm tội.

Tóm lại, Điều 206 BLHS năm 2015 đã quy định tương đối nhiều loại hành vi phạm tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng như tiêu đề của điều luật này.²⁸ Tuy nhiên, phần lớn các hành vi phạm tội được quy định ở điều này là hành vi phạm tội được thực hiện bởi chủ thể là người của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài (và cũng chưa đầy đủ) mà không có hành vi phạm tội nào có chủ thể thực hiện là khách hàng. Theo đó, có thể rút ra một số hạn chế cụ thể của Điều 206 BLHS năm 2015 như sau:

- Thứ nhất, còn thiếu hành vi phạm tội vi phạm quy định về bảo mật thông tin của khách hàng. Một trong những nghĩa vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nói chung cũng như của người quản lý, người điều hành, nhân viên của các đơn vị này nói riêng là phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng. Theo đó, hành vi vi phạm quy định về bảo mật thông tin khách hàng trong trường hợp có tính nguy hiểm của tội phạm phải được tội phạm hóa. Đó có thể là trường hợp cố ý cung cấp cho người khác thông tin về tài khoản ngân hàng của khách hàng. Đây cũng là một loại hành vi phạm tội của tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng. Tuy nhiên, Điều 206 BLHS năm 2015 đã không quy định hành vi phạm tội cố ý cung cấp cho người khác thông tin về tài khoản ngân hàng của khách hàng. Hành vi phạm tội này được quy định chung với các hành vi phạm tội khác trong tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng (của người khác) (Điều 291 BLHS năm 2015). Quy định chung như vậy không phản ánh được tính nghiêm trọng khác nhau giữa hành vi phạm tội của người quản lý, người điều hành hay nhân viên của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với hành vi phạm tội của những người khác cũng như không thể hiện được trách nhiệm bảo mật thông tin khách hàng của các tổ chức này đối với khách hàng của mình.

27 Trong Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, căn cứ để xử phạt vi phạm hành chính và mức độ xử phạt hành chính đối với hành vi kinh doanh ngoại tệ được quy định là “giá trị” của ngoại tệ được kinh doanh trái phép (Điều 23).

28 Về các dấu hiệu định tội của tội được quy định tại Điều 206 BLHS, có thể tham khảo: Phạm Minh Tuyên, Đỗ Thị Phương, “Tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng và các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 6, 2019.

- *Thứ hai*, còn thiếu hành vi phạm tội vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền. Rửa tiền có thể xảy ra ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Tuy nhiên, ngân hàng là một trong các lĩnh vực mà tội này có nhiều khả năng xảy ra nhất,²⁹ nên nguy cơ rửa tiền tiềm ẩn trong hoạt động ngân hàng là rất lớn.³⁰ Do vậy, Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 đặt ra tương đối nhiều quy định về phòng, chống rửa tiền cho hoạt động này. Trên cơ sở đó, trong Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng có riêng một mục quy định các hành vi vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền xảy ra trong hoạt động ngân hàng. Cùng với việc quy định xử phạt vi phạm hành chính như vậy, việc tội phạm hóa hành vi vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền trong trường hợp nhất định cũng rất cần thiết để góp phần bảo đảm các quy định về phòng, chống rửa tiền được tuân thủ. Tuy nhiên, Điều 206 cũng như các điều khác của BLHS năm 2015 quy định về các tội phạm ngân hàng đều không đề cập đến hành vi phạm tội này.

- *Thứ ba*, còn thiếu hành vi phạm tội vi phạm quy định về cấp tín dụng mà chủ thể thực hiện là “bên xin cấp tín dụng”. Các hành vi phạm tội liên quan đến hoạt động cấp tín dụng mới chỉ đề cập hành vi phạm tội từ “bên cấp tín dụng”. Trong khi đó, để bảo đảm cho hoạt động cấp tín dụng diễn ra lành mạnh, đúng pháp luật không chỉ đòi hỏi sự tuân thủ pháp luật của “bên cấp tín dụng” mà cũng đòi hỏi sự tuân thủ pháp luật của cả “bên xin cấp tín dụng”. Biểu hiện của sự không tuân thủ pháp luật của “bên xin cấp tín dụng” có tác động tiêu cực đến hoạt động cấp tín dụng có thể là hành vi gian dối trong việc xin cấp tín dụng, gian dối trong sử dụng vốn vay, hoặc không chịu hoàn trả vốn vay. Để bảo đảm hoạt động tín dụng diễn ra lành mạnh, đúng pháp luật và có hiệu quả, đòi hỏi phải quy định hành vi gian dối khi xin cấp tín dụng, gian dối khi sử dụng vốn vay cũng như không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả vốn vay trong những trường hợp nhất định là các tội phạm ngân hàng để có chính sách xử lý phù hợp, bảo đảm tính đồng bộ trong chống để phòng ngừa tội phạm ngân hàng. Đây là nội dung quy định mà Điều 206 BLHS năm 2015 còn thiếu.

- *Thứ tư*, còn thiếu hành vi phạm tội vi phạm quy định về hoạt động thanh toán mà chủ thể thực hiện là chủ tài khoản thanh toán, là “khách hàng” sử dụng dịch vụ thanh toán qua tài khoản được tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp. Hành vi vi phạm quy định về hoạt động thanh toán đang được xã hội đặc biệt quan tâm hiện nay là hành vi bán, cho thuê tài khoản thanh toán. Các hành vi này diễn ra tương đối phổ biến vì nhiều người đang chạy theo “mở tài khoản để kiếm lời” bất chấp việc làm này đang “... là một trong những nguyên nhân khiến tình trạng tội phạm liên quan đến lừa đảo, gian lận, đánh bạc... ngày càng nhiều và tinh vi hơn”.³¹ Hành vi bán, cho thuê tài khoản thanh toán như vậy là hành vi không được phép theo pháp luật về ngân hàng³² nên đã bị quy định là hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực ngân hàng tại các khoản 5 và 6 Điều 26 Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng (Nghị định số 88/2019). Thực tế hiện nay cho thấy số lượng tài khoản thanh toán mà một người bán,

29 Theo Báo cáo tóm tắt đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền và tài trợ khủng bố 2012 - 2017 của Thanh tra Chính phủ, đất đai và ngân hàng là 2 lĩnh vực có nguy cơ rửa tiền cao. Xem: Thanh tra Chính phủ, “Báo cáo tóm tắt đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền và tài trợ khủng bố 2012 - 2017, 2020, <https://thanhtra.gov.vn/guest/xem-chi-tiet-tin-tuc-pdf>, truy cập ngày 26/5/2024.

30 Đỗ Thị Minh Phương, “Phòng ngừa tội rửa tiền qua hoạt động ngân hàng ở Việt Nam hiện nay - khó khăn và giải pháp khắc phục”, *Tạp chí Khoa học kiểm sát*, số chuyên đề 4, 2020, tr. 39.

31 Nguyễn Tiến Khoa, “Những rủi ro khi bán, cho thuê tài khoản ngân hàng”, *Trang thông tin điện tử Thư viện pháp luật*, 2024, <https://thuvienphapluat.vn/cong-dong-dan-luat/nhung-rui-ro-khi-ban-cho-thue-tai-khoan-ngan-hang-212894.aspx>, truy cập ngày 23/5/2024.

32 Điểm h khoản 2 Điều 5 Thông tư 23/2014/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước quy định nghĩa vụ của chủ tài khoản: “Không được cho thuê, cho mượn tài khoản thanh toán của mình”.

cho thuê không chỉ dừng lại một vài tài khoản mà có thể hàng chục tài khoản ở các ngân hàng khác nhau; thậm chí còn có nhiều trường hợp người vi phạm mua gom rồi bán lại hoặc cho thuê hàng trăm tài khoản thanh toán khác nhau. Lợi ích vật chất bất hợp pháp mà người bán, cho thuê tài khoản thanh toán thu được là không nhỏ và thiệt hại mà hành vi sử dụng các tài khoản thanh toán đã mua hoặc đã thuê để phạm tội gây ra là vô cùng lớn. Tuy nhiên, hành vi bán, cho thuê tài khoản thanh toán như vậy lại chưa được quy định trong Điều 206 BLHS năm 2015 mặc dù các hành vi này cũng là hành vi vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng.³³

- *Thứ năm*, còn hạn chế trong kỹ thuật văn bản. Việc ghép quá nhiều hành vi vi phạm khác nhau vào cùng điều luật là không hợp lý do không bảo đảm được tính chính xác, rõ ràng, dễ hiểu. Quy định ghép các hành vi phạm khác nhau như vậy đã làm phát sinh nhiều bất cập như bất cập trong việc quy định dấu hiệu hậu quả thiệt hại về tài sản cho người khác chung cho tất cả các hành vi vi phạm có tính chất cũng như mức độ nghiêm trọng khác nhau; hoặc bất cập trong xếp các hành vi vi phạm vào từng nhóm cũng như trong sắp xếp thứ tự các nhóm đó (theo các điểm)...

2.2. Các tội được quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật Hình sự năm 2015

Điều 207 BLHS năm 2015 quy định Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả và Điều 208 BLHS năm 2015 quy định Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác. Hai tội này có điểm chung là đều liên quan đến phương tiện thanh toán, một tội liên quan đến tiền và một tội liên quan đến giấy tờ có giá tương đương với tiền. Theo đó, sự khác nhau giữa hai tội này chỉ ở đối tượng của các hành vi khách quan “làm (ra)”; “tàng trữ”, “vận chuyển” và “lưu hành”. Cùng có các hành vi khách quan đó nhưng đối tượng của hành vi khách quan ở một tội là “tiền giả” và ở tội còn lại là “công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác”. Về dấu hiệu định tội của hai tội này, có một số chú ý sau:

2.2.1. Về khái niệm “tiền giả”

Theo pháp luật ngân hàng, tiền giả được hiểu là “... những loại tiền được làm giống như tiền Việt Nam nhưng không phải Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức in, đúc, phát hành”.³⁴ Như vậy, khái niệm tiền cũng như khái niệm tiền giả được sử dụng trong pháp luật ngân hàng được giới hạn chỉ là tiền Việt Nam. Điều này cũng thể hiện rất rõ trong Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam năm 2023. Trong Chương III của luật này, các vấn đề về tiền (Việt Nam) gồm tiền giấy và tiền kim loại được đề cập trong Mục 2 là mục về phát hành tiền giấy, tiền kim loại (của Việt Nam), còn tiền không phải của Việt Nam được gọi là ngoại tệ và được đề cập trong Mục 5 là mục về quản lý ngoại hối và hoạt động ngoại hối. Hành vi làm tiền giả; vận chuyển, tàng trữ, lưu hành tiền giả được quy định tại điều cuối cùng của Mục 2 là Điều 23. Điều này quy định các hành vi bị cấm. Trong đó, các hành vi liên quan đến tiền giả được quy định tại khoản 1. Việc BLHS năm 2015 quy định Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả (Điều 207) là đáp ứng yêu cầu tội phạm hóa của Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam đối với các hành vi bị cấm được quy định tại khoản 1 Điều 23 của luật này. Theo đó, khái niệm tiền giả được dùng tại Điều 207 BLHS năm 2015 phải được hiểu chỉ là tiền (Việt Nam) giả mà không bao gồm ngoại tệ giả để bảo đảm nguyên tắc: Pháp luật hình sự phải thống nhất

33 Do hành vi cho thuê, cho mượn tài khoản thanh toán không được quy định là tội phạm nên khoản 6 Điều 26 Nghị định số 88/2019 đã quy định tất cả các trường hợp cho thuê, cho mượn tài khoản thanh toán đều chỉ là vi phạm hành chính (b) *Cho thuê, cho mượn từ 10 tài khoản thanh toán trở lên*). Trong điểm b khoản 6 không có cụm từ “mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự” như trong điểm b khoản 6 Điều 28: (b) *Lấy cắp, thông đồng để lấy cắp thông tin thẻ với số lượng từ 10 thẻ trở lên mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự*.

34 Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 130/2003/QĐ-TTg ngày 30/6/2003 của Chính phủ. Tương tự như vậy, khoản 1 Điều 3 Thông tư số 28/2013/TT-NHNN ngày 05/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước giải thích: “Tiền giả là những loại tiền làm giống như tiền Việt Nam nhưng không phải do Ngân hàng Nhà nước tổ chức in, đúc, phát hành”.

theo pháp luật chuyên ngành ở các nội dung chuyên ngành khi tội phạm hóa các hành vi vi phạm pháp luật chuyên ngành theo yêu cầu của pháp luật chuyên ngành. Trong khi đó, Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã giải thích tại mục 3: “Tiền giả bao gồm tiền Việt Nam đồng giả và ngoại tệ giả...”. Cách giải thích này tuy đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn xét xử nhưng không bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Để đáp ứng được yêu cầu này của thực tiễn xét xử cần sửa pháp luật ngân hàng hoặc sửa BLHS. Tuy nhiên, phương án hợp lý là phương án sửa BLHS vì khi nói đến “tiền” thì cần được hiểu là tiền của một quốc gia hay một vùng nhiều quốc gia mà không bao gồm “tiền” của quốc gia khác và “tiền” của vùng nhiều quốc gia khác vì các “tiền” này được gọi là ngoại tệ. Do vậy, cách hiểu “tiền” theo pháp luật ngân hàng là chính xác và ở nội dung này, BLHS phải theo pháp luật ngân hàng là pháp luật chuyên ngành.

2.2.2 Về hành vi làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả

Đây là 4 hành vi khác nhau nhưng tính nguy hiểm của 3 hành vi đầu có sự phụ thuộc vào hành vi thứ tư. Hành vi tạo ra hoặc tham gia tạo ra tiền giả (làm tiền giả) chỉ có tính nguy hiểm của tội phạm khi mục đích được làm ra là để đưa vào lưu hành – được sử dụng như tiền thật. Mục đích này cũng được đặt ra đối với hành vi thứ hai và thứ ba. Các chú ý này cũng đúng cho hành vi làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác.

Qua phân tích trên đây, có thể rút ra các hạn chế sau của các điều 207, 208 BLHS năm 2015:

- *Thứ nhất*, Điều 207 năm 2015 tuy đáp ứng được yêu cầu tội phạm hóa của pháp luật ngân hàng đối với các hành vi làm giả, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền (Việt Nam) giả nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn xét xử do chưa đề cập đến ngoại tệ giả.

- *Thứ hai*, Điều 207 và Điều 208 BLHS năm 2015 chỉ nhắc lại tội danh mà chưa mô tả các dấu hiệu của hành vi phạm tội, trong đó có dấu hiệu cần thiết phải thỏa mãn thì hành vi làm, tàng trữ và vận chuyển tiền/công cụ chuyển nhượng/giấy tờ có giá khác giả mới là hành vi phạm tội của tội này. Đó là dấu hiệu “để lưu hành”.

2.3. Các tội được quy định tại Điều 290 và Điều 291 Bộ luật Hình sự năm 2015

Điều 290 BLHS năm 2015 quy định tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và Điều 291 quy định tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng. Hai tội này là các tội phạm mạng vì liên quan đến an ninh mạng nhưng xét ở góc độ an ninh kinh tế thì hầu hết các loại hành vi phạm tội được quy định tại Điều 290 BLHS năm 2015 cũng như các loại hành vi phạm tội được quy định tại Điều 291 BLHS năm 2015 xâm phạm hoạt động ngân hàng. Để hiểu và đánh giá các hành vi phạm tội của 2 tội này cần làm rõ một số dấu hiệu định tội được quy định trong Điều 290 và Điều 291 BLHS.

2.3.1. Dấu hiệu định tội theo Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Điều luật quy định hành vi khách quan có thể là sử dụng bất hợp pháp thông tin về tài khoản ngân hàng hoặc về thẻ ngân hàng của người khác (cơ quan/tổ chức/cá nhân); làm, tàng trữ, mua bán, sử dụng, lưu hành thẻ ngân hàng giả; truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của người khác... Ở đây, cần chú ý: hành vi làm, tàng trữ, mua bán thẻ ngân hàng giả đều là để thẻ giả đó được sử dụng, lưu hành như thẻ ngân hàng thật.

Lỗi của chủ thể khi thực hiện hành vi nêu trên là lỗi cố ý – chủ thể biết việc sử dụng thông tin về tài khoản ngân hàng hoặc về thẻ ngân hàng là không được phép; biết thẻ ngân hàng là giả; biết việc truy cập là truy cập vào tài khoản ngân hàng của người khác và không được phép.

Mục đích phạm tội của chủ thể được quy định là chiếm đoạt tài sản của người khác (rút tiền, chuyển tiền hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ từ tài khoản của người khác). Như vậy, “chiếm đoạt tài sản” được quy định ở đây chỉ là mục đích phạm tội. Để cấu thành tội theo Điều 290 BLHS năm 2015 và phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này không đòi hỏi chủ thể phải thực hiện được hành vi chiếm đoạt và cũng không đòi hỏi giá trị tối thiểu của tài sản mà người phạm tội định chiếm đoạt. Theo đó, nếu chủ thể đã chiếm đoạt được tài sản với giá trị đủ cấu thành tội chiếm đoạt theo Điều 173 hoặc 174 BLHS năm 2015 thì chủ thể còn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này. Đây là trường hợp một hành vi phạm tội cấu thành 2 tội và phải chịu trách nhiệm hình sự về hai tội.³⁵ Hành vi phạm tội trong trường hợp này xâm phạm không chỉ an ninh mạng mà còn xâm phạm cả sở hữu. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự về 2 tội như vậy mới phản ánh đúng tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

2.3.2. Dấu hiệu định tội theo Điều 291 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Điều luật quy định hành vi khách quan có thể là thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác. Lỗi của chủ thể khi thực hiện các hành vi này là lỗi cố ý - biết thông tin là thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác. Các hành vi cố ý này chỉ cấu thành tội phạm trong hai trường hợp. Đó là trường hợp hành vi cố ý... có quy mô tối thiểu về số lượng là 20 tài khoản và trường hợp chủ thể đã thu lợi tối thiểu là 50.000.000 đồng.

Về hành vi khách quan theo Điều 291 BLHS năm 2015 có một số chú ý sau:

Thứ nhất, đối tượng tác động của hành vi khách quan được quy định tại Điều 291 BLHS là “thông tin về tài khoản ngân hàng”. Thông tin này gồm thông tin định danh khách hàng³⁶ và thông tin về tên tài khoản, số hiệu tài khoản, số dư tài khoản, thông tin liên quan đến giao dịch nộp tiền, rút tiền, chuyển tiền, nhận tiền của khách hàng...³⁷ Theo đó, các hành vi “thu thập”, “tàng trữ”, “trao đổi”, “mua bán”, “công khai” được quy định tại Điều 291 có đối tượng tác động là các thông tin này.

Thứ hai, tài khoản ngân hàng mà các thông tin về nó bị người phạm tội hướng tới phải là tài khoản ngân hàng của người khác mà không phải của người phạm tội. Hành vi khách quan được quy định tại Điều 291 BLHS năm 2015 là hành vi “thu thập”, “tàng trữ”, “trao đổi”, “mua bán”, “công khai” thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác mà không phải là tài khoản của người phạm tội.

Như vậy, hành vi phạm tội được quy định tại Điều 291 BLHS năm 2015 khác với trường hợp cho thuê/thuê hoặc bán/mua tài khoản thanh toán đang diễn ra trên thực tế. Đây là trường hợp cho thuê hoặc bán tài khoản thanh toán của chính mình và là trường hợp thuê hoặc mua tài khoản thanh toán từ chủ tài khoản này.³⁸ Trong khi đó, Điều 291 BLHS năm 2015 đề cập đến thông tin về tài khoản ngân hàng và tài khoản này là của người khác mà không phải của người phạm tội (không phải của người bán trong trường hợp hành vi phạm tội là “mua bán”). Tuy nhiên, tiêu đề của Điều 291 BLHS thiếu cụm từ “của người khác” sau từ “tài khoản ngân hàng” nên có thể dẫn đến hiểu không đúng về điều này.³⁹

35 Nguyễn Ngọc Hòa, “Trường hợp phạm nhiều tội và trường hợp trùng luật - Từ lý thuyết đến sự thể hiện trong Bộ luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 5/2018, tr. 26.

36 Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về Việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

37 Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về Việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

38 Hành vi cho thuê, cho mượn tài khoản thanh toán đã được quy định là hành vi vi phạm hành chính trong Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng. Xem: Khoản 5, khoản 6 Điều 26.

39 Hiện nay, do hiểu không đúng về Điều 291 BLHS nên nhiều tòa án đã xử hành vi thuê, mua tài khoản thanh toán từ chủ tài khoản thanh toán theo Điều 291.

Qua phân tích trên đây, có thể rút ra các hạn chế sau của các điều 290, 291 BLHS năm 2015:

- *Thứ nhất*, tiêu đề cũng như nội dung của Điều 290 BLHS năm 2015 chưa phù hợp với Luật An ninh mạng năm 2018. Cụ thể: trong tiêu đề cũng như nội dung của điều này còn thiếu bộ phận hợp thành của không gian mạng là mạng internet.⁴⁰ Theo nội dung được quy định, Điều 290 BLHS năm 2015 chỉ đòi hỏi mục đích chiếm đoạt nhưng tiêu đề của điều này lại không thể hiện mục đích chiếm đoạt mà thể hiện hành vi chiếm đoạt.

- *Thứ hai*, dấu hiệu hướng dẫn áp dụng pháp luật trong Điều 290 BLHS năm 2015 “*nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này*” là thừa và không chính xác. Vì có dấu hiệu không chính xác này mà không thể truy cứu trách nhiệm hình sự hành vi phạm tội về tội xâm phạm an ninh mạng trong trường hợp đã chiếm đoạt được tài sản có giá trị đáp ứng yêu cầu của Điều 173, Điều 174 BLHS năm 2015. Trong khi đó, theo lý thuyết về phạm nhiều tội, hành vi phạm tội này vừa cấu thành tội theo Điều 290 BLHS năm 2015 (xâm phạm an ninh mạng) và vừa cấu thành tội theo Điều 173 hoặc Điều 174 BLHS năm 2015 (xâm phạm sở hữu).

- *Thứ ba*, dấu hiệu mục đích phạm tội được mô tả tại các điểm a, b khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 chưa chính xác. Mục đích phạm tội ở đây là mục đích chiếm đoạt và một biểu hiện của mục đích chiếm đoạt là mục đích thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng tài khoản của người khác. Trong khi đó, Điều 290 BLHS năm 2015 lại mô tả mục đích chiếm đoạt tài sản và mục đích thanh toán hàng hóa, dịch vụ là 2 mục đích khác nhau: “*nhằm chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ*”.

- *Thứ tư*, tiêu đề của Điều 291 BLHS năm 2015 thiếu cụm từ “của người khác” ở cuối tiêu đề nên có thể dẫn đến hiểu không đúng về tội được quy định tại điều này.

3. Kiến nghị hoàn thiện quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về các tội phạm ngân hàng

3.1. Kiến nghị về nguồn quy định các tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng

Trên cơ sở lý luận về nguồn quy định tội phạm và thực tiễn lập pháp của Việt Nam, đề nghị cho phép các luật nói chung cũng như các luật về ngân hàng nói riêng được phép quy định các tội phạm và chế tài hình sự. Các luật về ngân hàng có chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực ngân hàng qua việc xác định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể. Các quyền này có thể bị xâm hại và các nghĩa vụ này có thể không được thực hiện. Đó là các vi phạm pháp luật ngân hàng. Các vi phạm pháp luật ngân hàng này có thể có tính nguy hiểm của tội phạm nên đòi hỏi phải được tội phạm hóa. Việc cho phép các luật về ngân hàng được tội phạm hóa các hành vi vi phạm pháp luật ngân hàng có tính nguy hiểm của tội phạm sẽ có các lợi thế sau:

- Việc quy định tội phạm ngân hàng sẽ có điều kiện nhanh chóng hơn, đáp ứng kịp thời đòi hỏi của thực tiễn trước diễn biến của tình hình tội phạm vì không phải phụ thuộc vào sửa đổi, bổ sung BLHS là công việc phức tạp, đòi hỏi nhiều thời gian hơn;

- Việc quy định tội phạm ngân hàng sẽ có điều kiện để quy định cụ thể hơn, có tính phân hóa cao hơn mà không phải bó gọn trong một hoặc một số ít điều như khi để BLHS quy định. Khi đó sẽ khắc phục được các hạn chế do ghép nhiều loại hành vi vi phạm khác nhau vào một tội danh trong một điều luật như được phân tích trong mục trên;

- Việc quy định tội phạm ngân hàng sẽ có điều kiện để có sự thống nhất cao với các vi phạm pháp luật ngân hàng cũng như với các nghĩa vụ của các chủ thể tham gia vào các quan hệ ngân hàng.

⁴⁰ Khoản 3 Điều 2 Luật An ninh mạng năm 2018 quy định: “Không gian mạng là mạng lưới kết nối của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu; là nơi con người thực hiện các hành vi xã hội không bị giới hạn bởi không gian và thời gian”.

3.2. Kiến nghị liên quan đến Điều 206 Bộ luật Hình sự năm 2015

- *Thứ nhất*, kiến nghị nghiên cứu bổ sung hành vi phạm tội liên quan đến quy định về bảo mật thông tin về tài khoản ngân hàng của khách hàng mà chủ thể vi phạm là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để thể hiện rõ trách nhiệm của các đơn vị này trong bảo đảm an toàn thông tin về tài khoản của khách hàng và để có chính sách hình sự phù hợp đối với hành vi phạm tội vi phạm quy định về bảo mật thông tin về tài khoản ngân hàng của khách hàng. Theo đó, cần quy định bổ sung hành vi phạm tội cố ý cung cấp thông tin về tài khoản của khách hàng cho người khác vào Điều 206 BLHS năm 2015 hoặc quy định bổ sung tội cố ý cung cấp thông tin về tài khoản của khách hàng cho người khác vào một điều riêng trong Bộ luật này. Khác với tội được quy định tại Điều 291 BLHS năm 2015, hành vi phạm tội này không đòi hỏi số lượng tài khoản tối thiểu cũng như trị giá tối thiểu của thu lợi bất chính. Do chủ thể của tội này là người của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm phải bảo mật thông tin về tài khoản của khách hàng nên chỉ riêng hành vi cố ý làm lộ/cung cấp thông tin về tài khoản ngân hàng của khách hàng cho người khác đã có tính nguy hiểm của tội phạm mà không đòi hỏi số lượng tài khoản tối thiểu là 20 tài khoản hay thu lợi bất chính tối thiểu là 20.000.000 đồng như quy định của Điều 291 BLHS năm 2015 là quy định chung cho các chủ thể khác nhau. Số lượng tài khoản cũng như thu lợi bất chính cần được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng.

- *Thứ hai*, kiến nghị nghiên cứu bổ sung hành vi phạm tội vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền được đặt ra cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để tăng sự răn đe các chủ thể nâng cao ý thức tuân thủ các quy định về phòng, chống rửa tiền. Theo đó, cần quy định bổ sung hành vi phạm tội vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền vào Điều 206 BLHS năm 2015 hoặc quy định bổ sung tội vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền vào một điều riêng trong Bộ luật này. Tuy thuộc vào kết quả khảo sát thực tế, cơ quan xây dựng luật có thể giới hạn các quy định về phòng, chống rửa tiền mà hành vi vi phạm các quy định đó bị coi là tội phạm trong trường hợp nhất định. Các quy định đó có thể là quy định về báo cáo giao dịch đáng ngờ (Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022),⁴¹ quy định về trì hoãn giao dịch (Điều 44 Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022);⁴² quy định về các hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống rửa tiền (Điều 8 Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022).⁴³

- *Thứ ba*, kiến nghị nghiên cứu bổ sung hành vi phạm tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng mà chủ thể là “bên xin cấp tín dụng” để bảo đảm cho hoạt động cấp tín dụng diễn ra lành mạnh, đúng pháp luật vì hoạt động này phụ thuộc cả hai bên – “bên cấp tín dụng” và “bên xin cấp tín dụng”. Theo đó, cần bổ sung hành vi phạm tội lừa dối để xin cấp tín dụng vào Điều 206 BLHS năm 2015 hoặc quy định bổ sung tội lừa dối để xin cấp tín dụng vào một điều riêng của Bộ luật này. Khác với tội lừa đảo chiếm

41 Về vấn đề này, có thể tham khảo kinh nghiệm của Singapore: “Khi không thực hiện những quy định về báo cáo giao dịch đáng ngờ, dù là vô ý hay cố ý thì bất kỳ ai vi phạm đều sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý. ... mức phạt cho cá nhân là không quá 250.000 đô la hoặc phạt tù không quá 03 năm (hoặc cả 2)...”. Xem: Lương Thị Hồng Hương, Nông Thị Lý & Nguyễn Anh Thư, “Pháp luật về phòng, chống rửa tiền ở Singapore - Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, 2023, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, <https://danchuphapluat.vn/phap-luat-ve-phong-chong-rua-tien-o-singapore-bai-hoc-kinh-nghiem-cho-viet-nam>, truy cập ngày 21/5/2024.

42 Về vấn đề này, có thể truy cập ý kiến của các tác giả Lương Thị Hồng Hương, Nông Thị Lý và Nguyễn Anh Thư: “Với những giao dịch chuyển tiền lớn đáng ngờ thì phải có những biện pháp tạm ngừng giao dịch kịp thời trước khi có kết quả điều tra của cơ quan chức năng để tránh tội phạm chuyển tiền trốn lọt ra nước ngoài. Khi có sai phạm, cán bộ hoặc nhân viên ngân hàng dù là vô tình hay cố ý tiếp tay cho tội phạm chuyển tiền qua biên giới, xác lập các giao dịch thanh toán quốc tế cho tội phạm mà không có những biện pháp phòng ngừa cần thiết thì phải chịu trách nhiệm pháp lý tương ứng, có thể là trách nhiệm hành chính hoặc hình sự”; Lương Thị Hồng Hương, Nông Thị Lý & Nguyễn Anh Thư, *lđđ*.

43 Nguyễn Ngọc Hòa & các tác giả khác, “Nghiên cứu tính thống nhất giữa Bộ luật hình sự trong việc quy định các tội phạm với các luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam”, *Thông tin Khoa học pháp lý*, số 9, 2016.

đoạt tài sản được quy định tại Điều 174 BLHS năm 2015, hành vi phạm tội ở đây chỉ đòi hỏi chủ thể – người xin cấp tín dụng đã có hành vi gian dối thể hiện qua việc cố ý nộp hồ sơ tín dụng có nội dung gian dối, không đúng thực tế mà không đòi hỏi có lừa dối được tổ chức tín dụng hay chi nhánh ngân hàng nước ngoài hay không cũng như không đòi hỏi có nhận được tín dụng hay không. Ở bất kỳ thời điểm nào mà hành vi gian dối bị phát hiện thì chủ thể thực hiện đều có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội lừa dối để xin cấp tín dụng. Ở tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thiệt hại về tài sản là dấu hiệu định tội; còn ở tội này, hậu quả thiệt hại cho tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài có thể được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng. Tùy thuộc vào kết quả khảo sát thực tế, cơ quan xây dựng luật có thể xác định nội dung gian dối trong dấu hiệu định tội của tội lừa đảo tín dụng cũng như các mức thiệt hại về tài sản của các khung hình phạt tăng nặng.

- *Thứ tư*, kiến nghị nghiên cứu bổ sung hành vi phạm tội vi phạm quy định về sử dụng tài khoản thanh toán. Theo đó, hành vi phạm tội bán, cho thuê, mua để bán hoặc thuê để cho thuê tài khoản (với số lượng tài khoản nhất định để phù hợp với thực tế và Nghị định 88/2019) cần được bổ sung vào Điều 206 BLHS năm 2015 hoặc được quy định vào một điều riêng trong Bộ luật này và có tiêu đề: Tội vi phạm quy định về sử dụng tài khoản thanh toán.

- *Thứ năm*, kiến nghị nghiên cứu tách Điều 206 BLHS năm 2015 thành nhiều điều khác nhau để mỗi điều chỉ quy định một tội với một hoặc một số ít hành vi phạm tội có cùng tính chất. Đó có thể là tội vi phạm quy định về cho phép tiến hành hoạt động ngân hàng; tội vi phạm quy định về cổ phần, cổ phiếu, phần góp vốn; tội vi phạm quy định về bảo đảm an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tội vi phạm quy định về cấp tín dụng; tội vi phạm quy định về hoạt động thanh toán; tội vi phạm quy định về hoạt động ngoại hối và kinh doanh vàng.

3.3. Kiến nghị liên quan đến Điều 207 và Điều 208 Bộ luật Hình sự năm 2015

- *Thứ nhất*, kiến nghị nghiên cứu bổ sung khoản 6 Điều 207 BLHS năm 2015 với nội dung: “6. Các khoản trên cũng được áp dụng cho đối tượng là ngoại tệ giả”.

- *Thứ hai*, kiến nghị nghiên cứu sửa khoản 1 Điều 207 và khoản 1 Điều 208 BLHS năm 2015 theo hướng thêm cụm từ “để lưu hành” vào sau các hành vi làm, tàng trữ, vận chuyển. Theo đó, khoản 1 Điều 207 sẽ là: “1. Người nào làm, tàng trữ, vận chuyển tiền giả để lưu hành hoặc lưu hành tiền giả, thì bị...”; khoản 1 Điều 208 sẽ là: “1. Người nào làm, tàng trữ, vận chuyển công cụ chuyển nhượng giả; giấy tờ có giá khác giả để lưu hành hoặc lưu hành các thứ này, thì bị...”.

3.4. Kiến nghị liên quan đến Điều 290 và Điều 291 Bộ luật Hình sự năm 2015

- *Thứ nhất*, kiến nghị nghiên cứu sửa đổi tiêu đề và nội dung (khoản 1) Điều 290 BLHS năm 2015 để khắc phục các hạn chế đã được phân tích. Cụ thể: ở tiêu đề của Điều 290, bổ sung cụm từ “mạng internet” và sửa cụm từ “thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” thành “để chiếm đoạt tài sản”; ở đoạn đầu khoản 1, bổ sung cụm từ “mạng internet” và bỏ cụm từ “nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này”; ở các điểm a và b khoản 1, bỏ cụm từ “hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ”.

- *Thứ hai*, kiến nghị nghiên cứu sửa tiêu đề Điều 291 BLHS năm 2015 theo hướng bổ sung cụm từ “của người khác” vào phần cuối. Theo đó, tiêu đề của Điều 291 BLHS năm 2015 sẽ là: Điều 291. Tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Böttner, “Kreditbetrug § 265b StGB”, *Anwalt-betrug*, 2024
- [2] Nguyễn Ngọc Hòa, “Trường hợp phạm nhiều tội và trường hợp trùng luật - Từ lý thuyết đến sự thể hiện trong Bộ luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 5, 2018 [trans: Nguyen Ngoc Hoa, “Cases of multiple crimes and cases of overlapping laws - From theory to manifestation in the Criminal Code of Vietnam”, *Journal of Legal Studies*, No. 5, 2018]
- [3] Nguyễn Ngọc Hòa, “Nguồn của pháp luật hình sự và vấn đề mở rộng nguồn của pháp luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 4, 2022 [trans: Nguyen Ngoc Hoa, “Sources of criminal law and the issue of expanding sources of Vietnamese criminal law”, *Journal of Legal Studies*, No. 4, 2022]
- [4] Nguyễn Ngọc Hòa & các tác giả khác, “Nghiên cứu tính thống nhất giữa Bộ luật hình sự trong việc quy định các tội phạm với các luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam”, *Thông tin Khoa học pháp lý*, số 9, 2016 [trans: Nguyen Ngoc Hoa & other authors, “Research on the consistency between the Criminal Code in stipulating crimes and other laws in the Vietnamese legal system”, *Legal Science Information*, No. 9, 2016]
- [5] Lương Thị Hồng Hương, Nông Thị Lý & Nguyễn Anh Thu, “Pháp luật về phòng, chống rửa tiền ở Singapore - Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật* [trans: Luong Thi Hong Huong, Nong Thi Ly & Nguyen Anh Thu, “Law on Anti-Money Laundering in Singapore – Lessons for Vietnam”, *Journal of Democracy and Law*, 2023]
- [6] Nguyễn Tiến Khoa, “Những rủi ro khi bán, cho thuê tài khoản ngân hàng”, *Trang thông tin điện tử Thư viện pháp luật*, 2024 [trans: Nguyen Tien Khoa, “Risks when selling or renting bank accounts”, *Electronic Information Page of the Law Library*, 2024]
- [7] Đỗ Thị Minh Phương, “Phòng ngừa tội rửa tiền qua hoạt động ngân hàng ở Việt Nam hiện nay - khó khăn và giải pháp khắc phục”, *Tạp chí Khoa học kiểm sát*, số chuyên đề 4, 2020 [trans: Do Thi Minh Phuong, “Preventing money laundering crimes through banking activities in Vietnam today – difficulties and solutions”, *Journal of Procuracy Science*, Special Issue 4, 2020]
- [8] Thanh tra Chính phủ, “Báo cáo tóm tắt đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền và tài trợ khủng bố 2012 - 2017”, 2020 [trans: Government Inspectorate, “Summary report on national risk assessment of money laundering and terrorist financing 2012–2017”, 2020]
- [9] Nguyễn Quyết Thắng, Trương Ngọc Quỳnh, “Một số vấn đề cần trao đổi về cấu thành tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng” trong Bộ luật Hình sự năm 2015”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 8, 2018 [trans: Nguyen Quyet Thang, Truong Ngoc Quynh, “Some issues to discuss regarding the constitution of the crime ‘Violation of regulations on banking activities and other activities related to banking’ in the 2015 Criminal Code”, *Journal of Legal Science*, No. 8, 2018]
- [10] Phạm Minh Tuyên, Đỗ Thị Phương, “Tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng và các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 6, 2019 [trans: Pham Minh Tuyen, Do Thi Phuong, “Crimes in the banking sector and the provisions of the 2015 Criminal Code”, *People’s Court Journal*, No. 6, 2019]